

BA TÁC GIA LỚN CỦA VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI TRUNG QUỐC THỜI KÌ SAU CẢI CÁCH MỞ CỬA

Nguyễn Thị Mai Chanh

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Văn học đương đại Trung Quốc thời kì sau Cải cách mở cửa là một chỉnh thể tiếp nối của ba giai đoạn. Giai đoạn từ thập niên 90 của thế kỉ XX trở đi, không khí đa nguyên văn hóa nhuộm phủ dần không gian xã hội, các nhà văn từng bước từ bỏ các đại tự sự, đề cao lập trường cái tôi, chuyển hướng xích gần lại với lập trường văn hóa dân gian. Văn học không còn “chủ lưu”, “lập trường chung”, “nhân danh cái ta” nữa, mà có sự tồn tại song song nhiều khuynh hướng sáng tác, thể hiện nhiều lập trường giá trị khác nhau. Những tái khám phá thế giới tinh thần cá nhân lên ngôi. Đây là thời kì xuất hiện nhiều cây bút có ý thức phấn đấu cho công cuộc đề văn học trở về với văn học. Cao Hành Kiện, Mạc Ngôn và Diêm Liên Khoa là ba gương mặt văn nhân xuất sắc. Tìm hiểu những thành tựu văn chương của họ, góp tiếng nói phản hồi những đánh giá trái ngược trước một nền văn học mà giá trị không thể phủ nhận, đó chính là mục đích của bài viết này.

Từ khóa: Mạc Ngôn, Cao Hành Kiện, Diêm Liên Khoa, văn học Trung Quốc, Nobel văn học.

1. Mở đầu

Để cứu vãn tình thế đất nước gần như ngưng trệ hoàn toàn về văn hóa và kinh tế sau mười năm động loạn, năm 1978 Trung Quốc khởi xướng công cuộc Cải cách mở cửa tạo nên cột mốc chính trị - xã hội quan trọng bậc nhất trong lịch sử Trung Quốc hiện đại. Cải cách mở cửa trên thực tế đã giúp hàng trăm triệu người thoát khỏi đói nghèo, đưa lại những cải thiện lớn về phúc lợi cho người dân Trung Quốc. Nhờ kết quả của cuộc Cải cách mở cửa mà đất nước này đã trở thành quốc gia có ảnh hưởng ngày một mạnh mẽ hơn về kinh tế trong buổi giao thời thế kỉ XX-XXI và bắt đầu được công nhận rộng rãi như một siêu cường mới nổi. Đi liền với công cuộc cải cách vĩ đại, nhiều vấn đề xã hội lớn đã xuất hiện và bộc lộ mặt trái của sự phát triển nóng. Bất kịp nhịp điệu thời cuộc, văn học đương đại Trung Quốc đã thẳng thắn phô bày các hiện trạng kì quái diễn ra trong thời kì này. Không nhất tán đồng với luồng ý kiến phủ nhận hoàn toàn giá trị của văn học đương đại Trung Quốc khi cho rằng nó đang rơi xuống vực thẳm, chúng tôi nhận thấy đây là nền văn học đang phát triển nhanh chóng, có lượng tác giả, tác phẩm và người đọc lớn nhất thế giới hiện nay. Chưa bao giờ văn học Trung

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mai Chanh. Địa chỉ e-mail: maichanhnguyen@gmail.com

Quốc lại phong phú về đề tài, đa dạng về phong cách như lúc này. Tất nhiên, đối với văn học nghệ thuật nói chung, vấn đề cuối cùng là vấn đề chất lượng. Tuy không thể sánh với sự phát triển chóng mặt của điện ảnh, âm nhạc... nhưng văn học Trung Quốc đương đại sau Cải cách mở cửa đã bước đầu thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc xuất hiện hai giải Nobel văn chương (Cao Hành Kiện và Mạc Ngôn) cùng một gương mặt xuất sắc có khả năng ứng cử giải thưởng danh giá này (Diêm Liên Khoa). Nhà nghiên cứu Trung Quốc Lâm Kiến Phát và Vương Nghiên từng phát biểu trên Diễn đàn của các nhà văn: “Những người hiểu rõ lịch sử của văn học Trung Quốc và thế giới hàng trăm năm nay đều biết trong hai mươi năm nay chúng ta đã có một loạt các nhà văn xuất sắc hoặc vĩ đại, nhưng chúng ta thường chịu tác động của những yếu tố tâm lý hoặc tư tưởng không rõ nào đó, hoặc do những nguyên nhân học thuật hoặc phi học thuật mà không dám bày tỏ. Chúng tôi cho rằng đó là một điều rất đáng tiếc” [1]. Bài viết của chúng tôi qua việc nhìn lại những đóng góp lớn lao của ba gương mặt nhà văn xuất sắc, tham gia diễn đàn đối thoại, góp phần khẳng định những thành tựu của nền văn học đương đại Trung Quốc. Đây là vấn đề các nhà nghiên cứu Việt Nam chưa đề cập đến.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cao Hành Kiện – Giải Nobel “quốc ngoại”

Sinh năm 1940 tại Công Châu - tỉnh Giang Tây, Cao Hành Kiện là nhà văn đa tài. Ông không chỉ là tiểu thuyết gia, còn là nhà soạn kịch, họa sĩ và đạo diễn sân khấu. Tốt nghiệp Trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh khoa tiếng Pháp, lại định cư lâu năm tại Pháp (có quốc tịch Pháp từ năm 1997), Cao Hành Kiện đồng thời là một dịch giả danh tiếng.

Khi phong trào Đại Cách mạng văn hóa lan rộng, cũng như nhiều thanh niên trí thức đương thời, Cao Hành Kiện phải về nông thôn lao động. Một năm trước khi Cách mạng văn hóa kết thúc, ông được trở lại Bắc Kinh tiếp tục công việc dịch thuật tiếng Pháp tại tòa soạn Tạp chí *Trung Quốc kiến thiết*, đến năm 1977 thì chuyển công tác về bộ phận đối ngoại của Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật. Kể từ sau năm 1978, Trung Quốc tiến hành công cuộc Cải cách mở cửa, việc liên hệ với quốc tế trong các hoạt động văn hóa giáo dục trở nên dễ dàng hơn. Lần xuất ngoại đầu tiên của nhà văn vào tháng 5 năm 1979 trong tư cách là phiên dịch viên của đoàn nhà văn Trung Quốc đi thăm Cộng hòa Pháp. Sau khi về nước một năm, Cao Hành Kiện đảm nhận công việc biên tập tại Nhà hát kịch Nhân dân Bắc Kinh. Đây có lẽ là nguyên do đưa ông đến với hoạt động sân khấu. Hai vở kịch *Báo động* (1982) và *Trạm xe buýt* (1983) nhanh chóng giới thiệu Cao Hành Kiện với nền kịch nghệ Trung Quốc đương đại. Cả hai kịch phẩm này đều chịu ảnh hưởng của thể loại kịch phi lý (absurdist drama). Vì lí do phê bình chính sách của nhà nước, *Trạm xe buýt* bị cấm diễn. Từ năm 1985, Cao Hành Kiện chuyển sang hoạt động điêu khắc và hội họa. Ông mở triển lãm tranh tượng tại Bắc Kinh thu hút sự chú ý của giới phê bình trong cũng như ngoài nước. Sau sự kiện đó, Cao Hành Kiện thực hiện chuyến thăm nhiều nước Tây Âu trong nhiều tháng. Triển lãm tranh của ông ở Berlin đạt thành công lớn cả về nghệ thuật lẫn tài chính (tiền bán tranh lên đến hàng ngàn Mác Đức). Quay về Trung Quốc, một lần nữa kịch Cao Hành Kiện lại bị cấm diễn do động chạm đến vấn đề chính trị. Vượt qua nhiều trở ngại, năm 1987 nhà văn rời

Trung Quốc đến Đức rồi sang Pháp định cư ở Paris. Trong những năm đầu sống tại Pháp, ông vẫn tham gia tích cực các hoạt động triển lãm trưng bày tranh tượng. Tháng 6 năm 1989, sau sự kiện Thiên An Môn, Cao Hành Kiện ra khỏi Đảng cộng sản Trung Quốc. Một năm sau, ông công bố vở kịch *Trốn chạy* trên tạp chí *Ngày nay* rồi cho diễn tại Nhà hát kịch Hoàng gia Thụy Điển. Trung Quốc bấy giờ tuyên bố tước quyền công dân đối với Cao Hành Kiện. Chỗ ở của ông ở Bắc Kinh bị khám xét, ông cũng tuyên bố không về nước. Gần mười năm sau khi định cư Paris, ông nhập quốc tịch Pháp. Cao Hành Kiện xuất hiện trong danh sách các tác gia hàng đầu đề cử giải Nobel nhờ hai tiểu thuyết *Núi thiêng* và *Thánh Kinh của một người*. Ngày 12 tháng 10 năm 2000, ông trở thành nhà văn viết tiếng Hoa đầu tiên nhận giải Nobel văn chương. Tổng thống Pháp đã trao tặng Huân chương Légion d'honneur cho Cao Hành Kiện vào ngày 25 tháng 2 năm 2002.

Đến với hoạt động nghệ thuật từ hội họa và sân khấu, Cao Hành Kiện được xem là tác gia tiên phong của kịch đương đại Trung Quốc. Triển lãm tranh, soạn và đạo diễn kịch đã đưa lại thành công, danh tiếng ban đầu cho nhà văn. Hai vở diễn *Báo động*, *Trạm xe buýt* là những tác phẩm có tính chất thử nghiệm sân khấu mới. Việc giới thiệu, dàn dựng các vở kịch này trên các sân khấu Đài Loan, Nhật Bản và một số nước châu Âu đã ghi tên nhà soạn kịch trẻ vào làng kịch thế giới, rút ngắn khoảng cách sáng tác và biểu diễn sân khấu giữa Trung Quốc đại lục với nước ngoài. Giữa lúc tâm lí văn nghệ phục vụ chính trị vẫn còn là một ám ảnh nặng nề không chỉ đối với giới văn nghệ sĩ mà còn với toàn xã hội, kịch phẩm của ông không dễ dàng được chấp nhận trong nước. Cao Hành Kiện ngay từ đầu đã dị ứng sâu xa với lối sáng tác tuyên truyền núp bóng “phục vụ công nông binh” - lí tưởng “tối thượng” của toàn bộ nền văn nghệ Trung Quốc thời Đại cách mạng văn hóa. Vào lúc nhà văn năng nổ với các sáng tác sân khấu mới, thì cả nước đang thực hiện “Toàn quốc vận động bài trừ ô nhiễm tinh thần”. Cao Hành Kiện bị xếp vào hàng trí thức đua đòi văn hóa phương Tây. Chỉ thị cấm diễn kịch Cao Hành Kiện được công bố trong hoàn cảnh ấy.

Sau khi rời Trung Quốc, nhà văn vẫn tiếp tục hoạt động sân khấu. Kể cả khi chưa có điều kiện dàn dựng, ông vẫn không ngừng soạn kịch. Năm 1988, ông cho công diễn tại Hamburg (Đức) vở kịch *Dã nhân*. Vở *Bờ bên kia* vốn đăng trên Tạp chí *Tháng Mười* năm 1986 đã được ông chỉ đạo diễn tại nhà hát Học viện Sân khấu Hương Cảng năm 1995 (một năm trước đó, vở này đã được N. Malmqvist, Viện sĩ Viện Hàn lâm Thụy Điển dịch ra tiếng Thụy Điển và Nhà hát kịch Hoàng gia Thụy Điển xuất bản). Cao Hành Kiện ngày càng gặt hái nhiều thành công. Hai vở nổi tiếng *Trốn chạy*, *Ranh giới sinh tử* soạn trong các năm 1990, 1991 lần lượt xuất hiện ở nhiều nước châu Âu trong các liên hoan sân khấu lớn. *Ranh giới sinh tử* được công diễn tại Paris với sự tài trợ của Bộ văn hóa Pháp, sau đó được dàn dựng tại một số nhà hát ở Ý, Ba Lan, Hoa Kỳ và Úc. Vở *Đối thoại và cật vấn* dịch từ tiếng Trung ra tiếng Pháp được chính tác giả dàn diễn tại thủ đô Áo, năm 1995 xuất hiện trên sân khấu Nhà hát Molière tại Paris. Bên cạnh kịch nói, Cao Hành Kiện còn soạn ca kịch và vũ kịch với các vở tiêu biểu: *Ngôi thành u tối* (công diễn lần đầu tại Hồng Kông, 1988); *Biến tấu chậm của thanh âm* (biểu diễn tại Hoa Kỳ, 1989); *Tuyết tháng Tám* (dàn diễn tại Đài Bắc, 2002)... Kịch nói Cao Hành Kiện một mặt kế thừa nguồn mạch sân khấu truyền thống Trung Hoa, mặt khác chịu ảnh hưởng đậm nét nghệ thuật sân khấu châu Âu (như kịch B. Brecht, S. Beckett, T. Kantor) với những đặc trưng của văn học phi lí: huỷ diệt nhân vật, mờ hoá cốt truyện, phân

mảnh không gian... Điều thú vị là, thực tiễn hoạt động sân khấu của Cao Hành Kiện tiếp đó lại ảnh hưởng sâu sắc đến kỹ thuật tự sự tiểu thuyết của nhà văn.

Bắt đầu với nghệ thuật sân khấu nhưng Cao Hành Kiện đi đến đỉnh cao vinh quang của sự nghiệp chính là nhờ tiểu thuyết. Một trong hai tác phẩm được đề cử giải Nobel của ông là *Linh sơn* do Nxb Liên Kinh, Đài Loan xuất bản năm 1990. Năm 1993, nhà Hán học N. Malmqvist đã dịch tiểu thuyết này ra tiếng Thụy Điển. *Linh sơn* còn có bản dịch Pháp ngữ xuất bản năm 1995 và bản dịch Anh ngữ xuất bản năm 2000. Riêng tại Việt Nam, tiểu thuyết hiện có tới ba bản dịch: *Linh Sơn* của dịch giả Trần Đình dịch từ bản tiếng Pháp (Nxb Phụ nữ, 2002); *Linh Sơn* của Hồ Quang Du dịch từ bản tiếng Trung (Nxb Văn học, 2003); và bản dịch nhan đề *Núi thiêng* của Ông Văn Tùng cũng từ bản tiếng Trung (Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2003). Tiếp nối *Linh Sơn* là tiểu thuyết *Kinh thánh cho một người* ra mắt bạn đọc Hoa ngữ lần đầu tiên cũng tại Đài Loan, năm 1999 (Nxb Liên Kinh). Bản dịch đầu tiên tiểu thuyết này là bản tiếng Pháp của Noël và L. Dutrait, sau đó là bản tiếng Anh của M. Lee (University of Sydney) xuất bản tại Úc. Ngoài tiểu thuyết, Cao Hành Kiện còn sáng tác truyện vừa, truyện ngắn. Độc giả Việt ngữ đã rất quen thuộc với tập *Mua cần câu cho ông* của dịch giả Nguyễn Hồi Thủ, trong đó truyện sớm nhất được viết năm 1983, muộn nhất sáng tác năm 1989 (bản dịch tiếng Anh của M. Lee đã xuất bản tại Hoa Kỳ và Anh năm 2004).

Cùng với tài năng sáng tác, Cao Hành Kiện cũng góp sức mình vào công tác giao lưu văn hóa Trung - Pháp bằng các bản dịch tác phẩm văn chương nổi tiếng. Ông đã chuyển ngữ sang tiếng Trung nhiều tác phẩm của S. Beckett và E. Ionesco - những đại diện lớn của kịch phi lí, những bậc thầy của bút pháp dòng ý thức mà bản thân họ có cùng cảnh ngộ lưu vong như ông. Là tác gia song ngữ, ông soạn kịch bằng cả hai thứ tiếng. Vợ *Au bord de la vie* (Bên lề đời, 1993) là vở kịch Pháp ngữ đầu tiên của Cao Hành Kiện. Tiếp theo là vở *Le somnambule* (Kẻ mộng du, 1995). Ngoài ra còn nhiều tác phẩm khác: *Quatre quatuors pour un week-end* (2002), *Le Quêteur de la mort* (2004), *Ballade nocturne* (2010), *Chroniques du classique des mers et des monts* (2012)...

Cao Hành Kiện còn nổi bật trên văn đàn trong tư cách là nhà lí luận phê bình văn chương. Ngay từ khi mới bước chân vào đời sáng tác, ông đã thể hiện ý thức ham tìm hiểu lí luận văn học. Năm 1981, tác giả công bố công trình *Bước đầu tìm hiểu kỹ thuật tiểu thuyết hiện đại*. Đây là một trong số ít tác phẩm lí luận văn học gây được sự chú ý trên văn đàn Trung Quốc thời bấy giờ. Việc xuất bản chuyên khảo này đã khơi mào cho những thảo luận học thuật sôi nổi thời kì sau Cải cách mở cửa ở Trung Quốc. Một công trình lí luận phê bình văn chương quan trọng nữa của Cao Hành Kiện là *Không chủ nghĩa* (《沒有主義》 in tại Hồng Công, 1996). Trong tác phẩm này, nhà lí luận bàn đến cả hội họa hiện đại cũng như tình hình văn học Trung Quốc đương thời. Lời bạt cuối sách có đoạn cho thấy rõ tinh thần cơ bản của công trình đề cập tới quan điểm sáng tác của nhà văn, đó là tư tưởng “không chủ nghĩa”. Ông có hai bài viết rất đáng chú ý: “Quan điểm sáng tác của tôi” và “Tôi chủ trương một thứ văn học lạnh”. Trong “Quan điểm sáng tác của tôi”, ông viết: “Tôi xem việc viết là phương thức tự cứu bản thân, hoặc có thể nói cũng là một phương thức sống của bản thân. Tôi viết vì mình, không dám vì làm vui người khác, cũng không dám đề cải tạo thế giới hay người đời. Vì rằng, đến tôi đây cũng không thay đổi nổi mình. Điều quan trọng là tôi đã nói, đã viết - chỉ vậy mà thôi” [2]. Quan điểm sáng tác của nhà văn cũng được thể hiện qua lời Diễn từ

đọc trong lễ trao giải Nobel - *Lí do của văn chương*: “Văn chương vượt cao trên hình thái ý thức hệ, trên biên giới quốc gia, và vượt lên trên ý thức mỗi dân tộc. Đó là điều giống như sự tồn tại của mỗi cá thể người vốn là vượt lên trên chủ nghĩa này nọ. Giống như cánh sinh hoạt của nhân loại vốn rộng lớn hơn tranh cãi và thuyết giảng về cuộc sống...” [3]. Theo Cao Hành Kiện, văn học “không kị húy” mà có nhiệm vụ quan tâm tới đời sống khốn khổ của loài người. Những hạn chế của văn học chính là những gì đến từ bên ngoài bản thân nó như chính trị, xã hội, đạo đức, tập quán. Mục đích của những cái đến từ bên ngoài ấy nhằm “bó buộc văn chương vào trong khuôn khổ, sử dụng nó làm đồ trang điểm”. Tất cả các thể loại sáng tác của nhà văn đều phản ánh nhất quán quan điểm nghệ thuật vượt lên mọi thứ “chủ nghĩa”, tập trung hướng tới phản ánh trạng thái tồn tại phi lí của con người trong một thế giới phi lí, cô đơn cùng cực, đổ vỡ niềm tin.

2.2. Mạc Ngôn – Giải Nobel “quốc nội”

Mạc Ngôn tên thật là Quán Mô Nghiệp, sinh năm 1955 tại huyện Cao Mật, tỉnh Sơn Đông. Ông là Phó chủ tịch Hội nhà văn Trung Quốc. Xuất thân trong một gia đình nông dân, Mạc Ngôn từng phải bỏ học năm 12 tuổi khi Đại Cách mạng văn hóa lan rộng trên phạm vi toàn quốc. Năm 18 tuổi, Mạc Ngôn làm việc trong một xưởng ép dầu ăn từ hạt bông. Sau 3 năm vào quân ngũ, năm 1979 ông được điều về Bộ Tham mưu lần lượt làm nhân viên bảo mật, giáo viên văn hóa, rồi cán bộ tuyên truyền. Cuối năm 1984, Mạc Ngôn vào học tại Học viện Nghệ thuật Quân đội và tốt nghiệp năm 1986 với quân hàm thượng úy. Bén duyên với văn chương qua tác phẩm đầu tay *Mưa rào đêm xuân* từ năm 1981, nhưng sự nghiệp viết văn của ông thực sự bắt đầu sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Văn nghệ học tại Viện Văn học Lỗ Tấn - Trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh vào năm 1991. Ngày 11 tháng 10 năm 2012, Mạc Ngôn trở thành nhà văn quốc tịch Trung Quốc đầu tiên nhận giải Nobel văn chương. Sau khi nhận giải, ông được mời làm giáo sư tại trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh và được nhận bằng tiến sĩ danh dự của Trường Đại học Mở Hương Cảng.

Tính đến nay, Mạc Ngôn đã cho in 11 tiểu thuyết, 10 truyện dài, 30 truyện vừa, hơn 80 truyện ngắn và 5 tập tản văn gồm những bài ký, phóng sự, tùy bút..., tổng cộng trên 200 tác phẩm, phần lớn đều đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Ông cũng đã viết 9 kịch bản phim truyền hình và 2 kịch bản sân khấu. Tác phẩm đầu tiên của Mạc Ngôn được dịch ra tiếng nước ngoài là *Gia tộc cao lương đỏ*. Tiểu thuyết này đã được chuyển thể một phần nội dung thành tác phẩm điện ảnh *Cao lương đỏ* nhan đề tiếng Anh là *Red Sorghum* do Trương Nghệ Mưu đạo diễn (đạt giải *Gấu bạc* tại Liên hoan phim Quốc tế Berlin, 1988) và cũng được quay thành phim truyền hình cùng tên dài 60 tập. Mạc Ngôn từng đạt được nhiều giải thưởng văn chương trong nước: giải nhất của Hội Nhà văn Trung Quốc cho *Báu vật của đời* năm 1995; giải *Mao Thuần* - giải thưởng được xem là vinh dự lớn nhất của các nhà văn tại đại lục - cho *Đàn hương hình* năm 2001 và *Éch* năm 2011. Trước đó, năm 1997, tiểu thuyết *Phong nhũ phi đồn* đạt giải “Đại gia Văn học”. *Đàn hương hình*, *Cây tỏi nổi giận*, *Rừng xanh lá đỏ*, *Báu vật của đời*, *Cao lương đỏ*... của Mạc Ngôn đều là những tác phẩm nổi tiếng. Truyền thống nghiên cứu phê bình ở Trung Quốc thường hay “kết bộ” hoặc “kết chuỗi” một số tác phẩm nhất định của một nhà văn. Với Mạc Ngôn, bộ ba tác phẩm làm nên “hiện

tượng Mạc Ngôn”, còn gọi là “Mạc Ngôn tam hồng” trên văn đàn nước này gồm: *Cao lương đỏ*, *Củ cải đỏ trong suốt* và *Châu châu đỏ*.

Sáng tác của Mạc Ngôn chịu ảnh hưởng bút pháp “chủ nghĩa hiện thực huyền ảo” (magical realism) - phương thức huyền thoại hoá hiện thực nhằm chỉ ra tính phi lí của cuộc sống. *Bài ca củ tỏi Thiên Đường* (1986, bản dịch tiếng Việt là *Cây tỏi nổi giận*) là tác phẩm nổi tiếng thuộc thời kì sáng tác đầu tiên của nhà văn. Tiểu thuyết dựa trên một sự kiện có thực gây chấn động thời sự toàn quốc ở buổi đầu công cuộc Cải cách mở cửa: nông dân một huyện nghe lời chính quyền trồng tỏi, nhưng tới mùa thu hoạch thì sản phẩm không có đường ra. Mạc Ngôn lúc đó tạm ngừng viết tiểu thuyết *Gia tộc cao lương đỏ*, dành hơn một tháng để viết tác phẩm này. *Cây tỏi nổi giận* được xem là sáng tác kịp thời phơi bày hiện trạng cuộc sống nông dân Trung Quốc đương thời qua nghệ thuật của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo. Đến *Thập tam bộ* (1989) - tác phẩm miêu tả trạng thái sinh hoạt của giới trí thức, nhà văn lại vận dụng phổ biến thủ pháp của “văn chương phi lí”. Tác phẩm được giới phê bình đại lục xem là một *Người đi xuyên tường* (M. Aymé) của văn học Trung Quốc đương đại. Tiếp đó, ở *Gia tộc ăn cỏ* (1995), bút pháp “văn chương phi lí” vẫn được vận dụng, đồng thời đã có sự pha trộn cả màu sắc “chủ nghĩa hiện thực huyền ảo”. Trừ tiểu thuyết *Hồng thụ lâm* (1988, bản dịch tiếng Việt: *Rừng xanh lá đỏ*), các tác phẩm của Mạc Ngôn đều lấy vùng đất Cao Mật - quê hương ông làm bối cảnh. Nói đến tác phẩm thể hiện tập trung nhất phong cách sáng tác của nhà văn, phải nói đến *Báu vật của đời* (1995). Cuốn tiểu thuyết bao quát cả một thời kì lịch sử dài: từ cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật, đến nội chiến Quốc-Cộng, qua giai đoạn kháng Mĩ viện Triều, tới phong trào Đại nhảy vọt, rồi đến cuộc vận động Chống hữu khuynh, mười năm Đại Cách mạng văn hóa, cho đến Cải cách mở cửa. Với *Báu vật của đời*, Mạc Ngôn không tránh né đề cập tới rất nhiều vấn đề “nhạy cảm” của hiện thực Trung Quốc đương thời, như vấn đề liên quan đến tầng lớp cán bộ lão thành và trí thức trong cuộc vận động Chống hữu khuynh, Đại cách mạng văn hóa; hay nạn đói khủng khiếp - hậu quả của phong trào Đại nhảy vọt... Hiếm thấy tác phẩm nào tái hiện sống động, chân thực đến thế nỗi đau nhân thể của con người trong cái xã hội mà nhân tính bị chôn vùi, tình người bị xéo giày một cách thảm hại. Chính Mạc Ngôn thừa nhận: “*Báu vật của đời* đã thể hiện đầy đủ cách nhìn nhận của tôi đối với các vấn đề xưa cũ như lịch sử, quê hương, cuộc sống... *Báu vật của đời* là viên đá nặng nhất trong lâu đài văn học của tôi, một khi rút viên đá ấy ra thì toà lâu đài sẽ sụp đổ” [4].

2.3. Diêm Liên Khoa – Khả năng ứng cử giải Nobel

Diêm Liên Khoa sinh năm 1958 trong một gia đình nông dân tại tỉnh Hà Nam. Ông tốt nghiệp Khoa Giáo dục Chính trị - Đại học Hà Nam năm 1985; tốt nghiệp Khoa Văn học - Học viện Văn nghệ Quân đội năm 1991. Thời gian mười năm từ 1994 đến 2004, ông thuộc biên chế nhà văn quân đội; sau đó chuyển công tác về Hội nhà văn thành phố Bắc Kinh. Từ năm 2008 đến nay, Diêm Liên Khoa công tác tại Học viện Văn học - Đại học Nhân dân Trung Quốc. Ông trở thành giáo sư thỉnh giảng Văn hóa Trung Quốc tại Đại học Khoa học Kỹ thuật Hương Cảng từ năm 2016. Đây chính là trường đại học đã trao bằng tiến sĩ danh dự cho nhà văn.

Diêm Liên Khoa có tác phẩm đăng báo từ năm 1980, chính thức trở thành hội viên Hội nhà văn Trung Quốc năm 1992. Tác giả bắt đầu thu hút sự chú ý của giới phê bình và đồng nghiệp kể từ khi công bố truyện vừa *Ngày tháng năm* (1997) - thiên truyện

được trao khá nhiều giải thưởng: giải *Lỗ Tấn* (1997-2000), giải *Bách Hoa* lần thứ tám (Tiểu thuyết Nguyệt báo), giải *Tác phẩm văn xuôi ưu tú Thượng Hải* lần thứ tư (1996-1997). Tuy nhiên, tác phẩm được coi là đỉnh cao đầu tiên trong văn nghiệp của Diêm Liên Khoa là tiểu thuyết *Nhật quang lưu niên* (Năm tháng trôi đi) xuất bản năm 1998 viết về đề tài số phận người dân quê. Cuốn sách này từng được giải thưởng *Mao Thuần*. Năm 2003, tiểu thuyết mang tên *Thụ Hoạt* đạt giải thưởng *Lão Xá* cũng đã gây chấn động dư luận. Tác phẩm được Báo *Nam phương Chu mạt* bầu là một trong mười tác phẩm hay trong vòng ba mươi năm (2012); được giải thưởng *Twitter Quốc tế Nhật Bản* - giải độc giả Nhật bình chọn “Tiểu thuyết hay nhất trong năm” trên Twitter (Diêm Liên Khoa trở thành tác gia châu Á đầu tiên nhận giải này năm 2014). *Thụ Hoạt* hiện nay đã được dịch ra 18 thứ tiếng, xuất bản lần đầu tại Nhật 8000 cuốn nhanh chóng được bán hết, và chỉ trong vòng bốn tháng, đã được tái bản ba lần, lập kì tích tiểu thuyết Trung Quốc bán chạy tại đất nước hoa Anh Đào. Thế nhưng, tác phẩm mang danh tiếng của nhà văn ra thế giới chính là *Đình trang mộng* xuất bản năm 2006 (bản dịch Anh ngữ *Dream of Ding Village* của Cindy Carter, 2011). *Đình Trang mộng* (Giấc mơ của làng Đình) được *A châu Tuần san* (Hong Kong) bầu là một trong “Mười bộ sách hay viết bằng tiếng Hoa trên toàn thế giới” năm 2006. Tiểu thuyết được xuất bản tại Nhật vào đầu năm 2007. Nhật Bản còn xuất bản cả bản chữ nổi bản dịch tác phẩm này. Diêm Liên Khoa là nhà văn Trung Quốc đương đại rất được mến mộ tại Nhật, cũng là một trong số ít nhà văn Trung Quốc có tác phẩm chữ nổi xuất bản dành cho người mù tại đây (trước đó, về văn học hiện đại Trung Quốc chỉ có ấn phẩm chữ nổi tác phẩm của hai nhà văn: Lỗ Tấn và Lão Xá).

Như Cao Hành Kiện và Mạc Ngôn, Diêm Liên Khoa không trốn tránh thể hiện những vấn đề nóng bỏng của thời cuộc bằng phương thức nghệ thuật mới mẻ. Nói tới ông là nói tới “chủ nghĩa thần thực” - một phương thức phản ánh “hiện thực bề sâu”, cái hiện thực bị khuất lấp qua thế giới đa dạng của những ẩn dụ, tượng trưng hết sức táo bạo. Viết về đề tài nông thôn Trung Quốc, ông có hai tiểu thuyết nổi tiếng: *Kiên gạch như thủy* (2001) lấy bối cảnh thời Đại cách mạng văn hóa; và *Tạc liệt chí* (2013) viết về nông thôn thời Cải cách mở cửa. Về đề tài trí thức, nhà văn cũng có hai tác phẩm lớn: *Phong nhã tụng* (2008) và *Tứ thư* (2011). *Phong nhã tụng* thực sự châm ngòi cho những tranh cãi sôi sục, còn *Tứ thư* thì không xuất bản được ở đại lục song đã có mặt trên giá các nhà sách tại Đài Loan, Hương Cảng. Dĩ nhiên, *Tứ thư* không phải là trường hợp đầu tiên vướng vòng kiểm duyệt. Theo thứ tự thời gian, các sáng tác của Diêm Liên Khoa từng bị kiểm duyệt gồm: *Hạ nhật lạc* (1994) mô tả sự “xuống cấp đạo đức” của hai nhân vật anh hùng Quân đội nhân dân; *Thụ hoạt* (2004) được xem là *Trăm năm cô đơn* của tiểu thuyết Trung Quốc hiện đại - với câu chuyện hai cán bộ lãnh đạo tìm cách mua thi hài Lê Nin đưa về để “kích cầu du lịch địa phương”; *Vì nhân dân phục vụ* (2005) - bản dịch Anh ngữ *Serve the People* của J. Lovell, 2007 - có tình tiết nhân vật nữ chỉ có thể “lên đỉnh” khi xé chân dung lãnh tụ Mao Trạch Đông hoặc xé sách *Mao Chủ tịch ngữ lục*; *Đình Trang mộng* (2006) kể chuyện “lây nhiễm AIDS vì bán máu” ở Trung Quốc. Trả lời câu hỏi “Ông nghĩ thế nào về việc độc giả thế giới tiếp xúc với tác phẩm của ông đầu tiên là vì yếu tố cấm kỵ, vì họ thường coi ông là tác giả được tụng ca đồng thời bị cấm nhiều nhất ở Trung Quốc?” nhân một cuộc phỏng vấn trong chuyến đi thăm Việt Nam, Diêm Liên Khoa đã nói: “Phải thừa nhận rằng nhiều độc giả bắt đầu tìm hiểu sách của tôi vì sách bị cấm do những điều bàn luận trong sách. Tôi muốn nói một vấn

đề: tiểu thuyết hay, tiểu thuyết nghệ thuật không đồng nghĩa với sách cấm. Tôi từng bàn về vấn đề này ở khắp nơi trên thế giới. Sách cấm không đồng nghĩa với sách hay (...). Tôi nghĩ bảo rằng tôi là tác giả có sách cấm nhiều nhất ở Trung Quốc, thì đấy là chiêu trò của nhà xuất bản để bán sách, điều này không có nghĩa là tác phẩm của mình hay, tôi nhất định phải chờ người đọc nói rằng cho dù ông ấy có bao nhiêu sách bị cấm, ông ấy chính là một nhà văn tài giỏi, ông ấy viết ra những tác phẩm tuyệt vời nhất...” [5]. Theo lời E. Cody nói trong bài *Persistent Censorship In China Produces Art of Compromise* (trên “Washington Post Foreign Service”, Monday, July 9, 2007) thì Diêm Liên Khoa cũng thừa nhận ông đã thực hiện “tự kiểm duyệt” theo cách cùng lúc viết một tác phẩm thành hai phiên bản, phiên bản “tự kiểm duyệt” gửi in trong nước, còn phiên bản gốc xuất bản ở nước ngoài.

Cũng như hai nhà văn đạt giải Nobel đã nói ở trên, Diêm Liên Khoa không chỉ thành công ở lĩnh vực sáng tác tiểu thuyết. Truyện vừa và truyện ngắn của ông đều đạt nhiều thành tựu: tác phẩm *Đi về phía Đông Nam* dành giải thưởng *Tác phẩm ưu tú* của Nxb Văn học nhân dân năm 1999; *Lông lợn đen lông lợn bạch* đạt giải thưởng *Tác phẩm ưu tú* của Tạp chí *Tiểu thuyết* năm 2001-2002; *Quên mất một vai* nhận giải thưởng *Tác phẩm ưu tú* của Tạp chí *Tác gia* năm 2014... Ngoài ra, ông còn viết tản văn, tùy bút. Là một nhà văn có ý thức sâu sắc về phê bình nghiên cứu, Diêm Liên Khoa cũng đã xuất bản nhiều cuốn sách tập hợp các bài nghiên cứu phê bình như *Hiện thực của tôi - Chủ nghĩa của tôi* (2011); *Phát hiện tiểu thuyết* (2011). Năm 2013, Diêm Liên Khoa được trao giải thưởng *Văn học Hoa ngữ thế giới*. Cùng năm đó, ông cũng trở thành nhà văn Trung Quốc thứ ba (sau Vương An Úc và Tô Đông, 2011) có tên trong danh sách đề cử giải thưởng *Man Booker Quốc tế* lần thứ năm. Năm 2014, nhà văn được giải *Franz Kafka*. Năm 2017, ông lại được đề cử giải *Prince Asturias* (Tây Ban Nha), giải *John Simon Guggenheim Fellowship* (Hoa Kỳ). Những giải thưởng liên tiếp dành cho nhà văn đã cho thấy tài năng, sự sáng tạo của một cây bút nhiều cống hiến, đầy triển vọng. Tác phẩm của Diêm Liên Khoa tính đến nay đã được dịch ra gần 30 thứ tiếng, xuất bản ở hơn 30 nước trên thế giới. Ngày càng có nhiều người nói tới khả năng ứng cử giải Nobel văn chương của nhà văn Trung Quốc hiện đang dẫn đầu về mức độ nổi tiếng quốc tế này.

3. Kết luận

Văn học đương đại Trung Quốc đã phản ánh chân thực, độc đáo những bước chuyển lớn của lịch sử, xã hội Trung Hoa qua nhiều giai đoạn: sau Lập quốc (1949-1966); thời Cách mạng văn hoá (1966-1976); thời Cải cách mở cửa (1976-1986); và thời kì sau Đổi mới (1986-nay). Nếu ở các giai đoạn trước, thành tựu văn học chưa tương xứng với tiềm năng sáng tác thực sự của các nhà văn; thì đến giai đoạn sau, những đóng góp mang tầm cỡ quốc tế của một số tác gia lớn đã được ghi nhận. Cao Hành kiện, Mạc Ngôn, Diêm Liên Khoa là ba đại diện xuất sắc của giai đoạn cuối đã góp phần làm phong phú thêm những phong cách biểu hiện đa dạng của nền văn học này. Mỗi người mỗi “hương vị” riêng độc đáo nhưng sáng tác của họ mang chung đặc điểm: vượt qua biên giới quốc gia, có giá trị toàn cầu. Với cái nhìn cay đắng, thấu hiểu quá khứ của lịch sử dân tộc mình, họ không ngần ngại khai thác “những cái cần quên đi” để cứu vớt hiện tại. Ở các nhà văn đều có sự vận dụng kết hợp tinh tế nghệ thuật

truyền thống Trung Hoa với kỹ thuật mới mẻ của văn học thế giới. Những đặc điểm trên cũng là đặc điểm sáng tác của các nhà văn từng đạt giải Nobel văn chương danh giá mọi thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lâm Kiến Phát, Vương Nghiê, 2004. “Lời nói đầu” trong *Mạc Ngôn và những lời tự bạch* (Nguyễn Thị Thại dịch), Nxb Văn học, tr. 6-7.
- [2] Xem 高行健 2001. 《沒有主義》, 台灣聯益出版社出版
- [3] <https://www.nobelprize.org/prizes/literature/2000/gao/25522-gao-xingjian-nobel-lecture-2000/>.
- [4] Mạc Ngôn, 2004. *Mạc Ngôn và những lời tự bạch* (Nguyễn Thị Thại dịch), Nxb Văn học, tr. 146.
Zet Nguyễn, 2019. “Nhà văn Trung Quốc Diêm Liên Khoa: Người chép sử hay kẻ bị cầm tù trong văn chương?”, <https://cuoituan.tuoitre.vn>, 16/4/2019.

ABSTRACT

Three major writers of Chinese contemporary literature after the reforms and opening-up period

Nguyen Thi Mai Chanh

Faculty of Philology, Hanoi National University of Education

Chinese contemporary literature after the Reforms and Opening-up is an integral part of three consecutive periods. Since the 1990s of the 20th century, social space was sown with cultural pluralism, stimulating writers to gradually abandon historiography in order to feature egotism and get closer to folk culture. Literature at that time was no longer “mainstream”, “common opinion” and “serve the people” but involved numerous writing styles as well as displayed different beliefs. The re-discovery of personal inner world was widely prevalent. This period also gave birth to multiple outstanding writers, who strived to bring literature back to the literature. Gao Xingjian, Mo Yan and Yan Lianke are considered to be three most prominent writers. Exploring their literary achievements and responding to the controversy revolving around this undeniably valuable literary period is the main purpose of this research.

Keywords: Mo Yan, Gao Xingjian, Yan Lianke, Chinese literature, Nobel Prize in Literature.